

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN**  
**NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4396-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15/9/2022  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Tên văn bằng : **Cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Tên CTĐT : **Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện**  
Tên tiếng Anh : **BA program in Multimedia**  
Mã số : **7320104**  
Thời gian đào tạo : **4 năm**  
Khoa quản lý : **Viện Báo chí**

## **1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Viện Báo chí**

### **1.1. Sứ mạng**

*- Sứ mạng của Học viện:*

Là trường Đảng, trường đại học được xây dựng thành trường trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác

*- Sứ mạng của Viện:*

Viện Báo chí thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

### **1.2. Tầm nhìn**

*- Tầm nhìn của Học viện:*

Học viện là trường Đảng, đồng thời là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hàng đầu của Việt Nam. Tiếp tục khẳng định, giữ vững vị thế của một trường đại học hàng đầu trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu lĩnh vực lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông với đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và quốc tế.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực; phấn đấu đến 2045 trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín cao và được xếp hạng quốc tế.

*- Tầm nhìn của Viện:*

Viện Báo chí thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Viện không ngừng phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

### **1.3. Giá trị cốt lõi**

*- Giá trị cốt lõi của Học viện:*

+ Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

+ Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

+ Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

- + Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.
- + Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.
- + Cống hiến: là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- *Giá trị cốt lõi của Viện Báo chí: Bản lĩnh, sáng tạo.*

- + Bản lĩnh: là khả năng vững vàng, tự tin và kiên định trong suy nghĩ, hành động để vượt qua khó khăn, thách thức
- + Sáng tạo: là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

## **2. Chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)**

#### *2.1.1. Mục tiêu chung*

Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

#### *2.1.2.1. Về kiến thức*

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với ngành truyền thông đa phương tiện;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

#### *2.1.2.2. Về kỹ năng*

##### *Kỹ năng cứng*

- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền

thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...

- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền thông mới như megastory, đồ họa 2D, 3D, animations và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

*Kỹ năng mềm:*

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp truyền thông đa phương tiện;
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

#### *2.1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm*

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông đa phương tiện.
- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.
- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

#### *2.2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

- *Tại các cơ quan báo chí - truyền thông:* có thể làm ở các bộ phận sáng tạo nội dung, sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản phẩm, dự án truyền thông đa phương tiện. Người được đào tạo ngành truyền thông đa phương tiện có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong ngành báo chí truyền - thông.

- *Các cơ quan ứng dụng, cơ quan quản lý và tổ chức truyền thông đa phương tiện, các tổ chức, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của doanh nghiệp truyền thông đa phương tiện:* bộ phận xây dựng kế hoạch, thiết kế, quảng cáo, tiếp thị, kinh doanh, phát hành...; nghiên cứu và phát triển, quản lý hình ảnh và thương hiệu, nhân viên quản lý các dự án truyền thông...

- *Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến truyền thông đa phương tiện.*

*\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

+ *Chuyên viên sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện*: copywriter, viết kịch bản truyền thông, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, thiết kế các loại hình sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

+ *Chuyên viên tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện*: tổ chức sản xuất các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện: bao gồm cả các dòng sản phẩm truyền thông truyền thống và sản phẩm truyền thông đa nền tảng như: gói nhận diện thương hiệu, các sản phẩm truyền thông nội bộ và quảng bá, video, làm tại studio ...

+ *Chuyên viên phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện*: nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các kênh truyền thông đa phương tiện, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh và phát triển các dự án bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, kinh doanh marketing, quản lý hình ảnh; quản trị thương hiệu, quản trị danh tiếng, quản trị khủng hoảng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân; phụ trách dự án hợp tác, liên kết truyền thông...

- Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

### **2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Nếu có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có thể tham gia tuyển sinh đào tạo thạc sĩ ngành Báo chí học, chuyên ngành Báo chí hoặc Quản lý báo chí – truyền thông.

- Nếu có bằng thạc sĩ có thể tham gia xét tuyển đào tạo tiến sĩ ngành Báo chí học.

- **Trình độ ngoại ngữ**: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- **Trình độ tin học**: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

## **3. Căn cứ xây dựng chương trình**

### **3.1. Căn cứ thực tiễn**

#### **3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo**

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Chương trình đào tạo đại học hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như ngành Truyền thông đa phương tiện tại Trường Đại học Bưu chính Viễn thông, Đại học Đại Nam; ngành Công nghệ truyền thông, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông...

*Chương trình đào tạo quốc tế:*

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)
- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)
- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

**3.1.2. Kết quả khảo sát**

Căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan, bao gồm khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên và chuyên gia

- Thời điểm khảo sát: năm 2021

- Hình thức và đối tượng khảo sát:

+ Phỏng vấn an-kết 300 phiếu hỏi trên phạm vi cả nước (100 phiếu tại các tỉnh miền Bắc, 100 phiếu khu vực miền Trung, 100 phiếu miền Nam, tập trung nhiều nhất ở 3 thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh). Khảo sát được thực hiện với nhóm đối tượng làm việc liên quan đến lĩnh vực báo chí- truyền thông, như: biên tập viên, phóng viên, các nhà quản lý cơ quan báo chí- truyền thông, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực báo chí, các nhân viên, nhà lãnh đạo trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp báo chí- truyền thông.

+ Phỏng vấn sâu: chúng tôi gửi khung chương trình tuyển dụng và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 15 nhà lãnh đạo, quản lý báo chí truyền thông, chuyên gia, tổng biên tập các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam về chương trình đào tạo.

**3.2 Căn cứ pháp lý**

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội ban hành;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

#### **4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

##### **4.1. Về kiến thức**

*Kiến thức đại cương*

*- Kiến thức đại cương*

**PLO1:** Hiểu và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thể giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng vào xem xét, giải thích, đánh giá hiện thực cách mạng Việt Nam và thế giới.

**PLO2:** Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học...); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành hoạt động truyền thông.

**PLO3:** Vận dụng được các quy luật tâm lý con người, các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động truyền thông

và quản lý hoạt động truyền thông.

**PLO4:** Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tin học trong quá trình nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm cũng như tác nghiệp các hoạt động truyền thông và quản lý các lĩnh vực truyền thông.

- Kiến thức cơ sở ngành

**PLO5:** Vận dụng được những các lý thuyết, mô hình truyền thông, quản trị truyền thông, công chúng truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng, pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông, tạo nền tảng kiến thức sâu rộng và tiền đề cần thiết để ứng dụng vào ngành học cũng như thực tiễn truyền thông đa phương tiện.

**PLO6:** Kết nối được các tri thức liên ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau phục vụ quá trình quản lý và tác nghiệp các hoạt động truyền thông đa phương tiện.

- Kiến thức ngành

**PLO7:** Xác định được các đối tượng cơ bản của truyền thông đa phương tiện.

**PLO8:** Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ nhiếp ảnh, đồ họa, audio, video, web ứng dụng... trong thiết kế, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**PLO9:** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và sáng tạo nội dung các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**PLO10:** Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

**PLO11:** Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông.

**PLO12:** Áp dụng được các lý thuyết vào ứng dụng và phát triển các dự án truyền thông đa phương tiện.

**PLO13:** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như phim ngắn, chương trình thực tế, siêu phẩm số...

**PLO14:** Hiểu và vận dụng được các quan điểm, nguyên tắc, phương thức lãnh đạo, phương pháp quản lý các lĩnh vực thuộc truyền thông đa phương tiện.

**PLO15:** Hiểu và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc, đặc điểm và quy trình tổ và an toàn thông tin, xử lý tình huống khủng hoảng, vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ.

#### **4.2. Kỹ năng**

- Kỹ năng chung

**PLO16:** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối

chiều thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**PLO17:** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**PLO18:** Thành thực phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic trong sử dụng thông tin, trình bày thông tin dưới dạng nói và viết một cách khoa học, sáng tạo.

*- Kỹ năng chuyên biệt của ngành*

**PLO19:** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình hoạt động truyền thông tại các cơ quan báo chí/doanh nghiệp truyền thông/ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông.

**PLO20:** Kỹ năng sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện phù hợp với thị trường truyền thông.

**PLO21:** Kỹ năng sáng tạo trong sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**PLO22:** Kỹ năng vận dụng các kiến thức đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

#### **4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO23:** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**PLO24:** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

**PLO25:** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**PLO26:** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**PLO27:** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

#### **4.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học**

- Trình độ Ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Trình độ Tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### 5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

| Mục tiêu đào tạo \ PLOs      | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|------------------------------|----------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|                              | 1                                            | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
| Kiến thức                    | x                                            | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| Kỹ năng                      |                                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | x  | X  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |
| Mức độ tự chủ và trách nhiệm |                                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  |

### 6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

### 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

### 8. Sơ đồ cây chương trình đào tạo

Sơ đồ cây chương trình đào tạo là sơ đồ hiển thị tập hợp các học phần thuộc Chương trình đào tạo được phân bổ theo các đơn vị thời gian (học kỳ).

Các học phần được sắp xếp theo hướng tích lũy kiến thức tăng dần. Các kiến thức cơ bản được sắp xếp vào thời gian đầu và nâng dần cấp độ theo thời gian.

|    | A               | B                                                                                | C                                                                                                                                                                                                                                                                           | D | E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | F | G                                                 | H | I                              | J | K                                | L | M                         | N | O |
|----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------|---|--------------------------------|---|----------------------------------|---|---------------------------|---|---|
| 1  | Kỳ 1<br>(17 TC) | Chọn 1 trong 2 HP:<br>Tiếng Anh học phần 1 (4TC)<br>Tiếng Trung học phần 1 (4TC) | Chính trị học (2TC)                                                                                                                                                                                                                                                         |   | Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   | Lý thuyết truyền thông (3TC)                      |   | Nhập môn TTDPT (3TC)           |   | Tin học ứng dụng (3TC)           |   | Giáo dục thể chất 1 (1TC) |   |   |
| 2  | Kỳ 2<br>(18TC)  | Chọn 1 trong 2 HP:<br>Tiếng Anh học phần 2 (4TC)<br>Tiếng Trung học phần 2 (4TC) | Pháp luật đại cương (3TC)                                                                                                                                                                                                                                                   |   | Triết học (3TC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   | Công chứng báo chí và truyền thông (3TC)          |   | Nhiếp ảnh (3TC)                |   |                                  |   | Giáo dục thể chất 2 (1TC) |   |   |
| 3  | Kỳ 3<br>(18 TC) | Chọn 1 trong 2 HP:<br>Tiếng Anh học phần 3 (4TC)<br>Tiếng Trung học phần 3 (4TC) | Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)                                                                                                                                                                                                                                                  |   | Chọn 2 trong 6 HP: Quản trị báo chí - truyền thông(3TC); Tâm lý báo chí - truyền thông(3TC); Truyền thông sáng tạo(3TC); Các loại hình báo chí(3TC); Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế (3TC); Quản trị website (3TC)                                                                                                                      |   | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông (3TC) |   | Thiết kế web và ứng dụng (4TC) |   |                                  |   | Giáo dục thể chất 2 (1TC) |   |   |
| 4  | Kỳ 4<br>(17 TC) | Chọn 1 trong 2 HP:<br>Tiếng Anh học phần 4 (3TC)<br>Tiếng Trung học phần 4 (3TC) | Chọn 3 trong 9 HP: Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC); Địa chính trị thế giới (2TC); CXH hội học đại cương(2TC); Tiếng Việt thực hành(2TC); Kinh tế học đại cương(2TC); Ngôn ngữ học đại cương(2TC); Tâm lý học xã hội(2TC); Quản lý quốc tế đại cương(2TC); Lý luận văn học(2TC) |   | Quản lý công chúng và quảng cáo (3TC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |   |                                                   |   | Thiết kế đồ họa (3TC)          |   | Thực tế chính trị - xã hội (2TC) |   | Giáo dục thể chất 3 (1TC) |   |   |
| 5  | Kỳ 5<br>(16 TC) | Kinh tế chính trị (2TC)                                                          | Xây dựng Đảng (2TC)                                                                                                                                                                                                                                                         |   | Viết cho truyền thông đa phương tiện (3TC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   | Sản xuất Audio (3TC)                              |   | Sản xuất Video (3TC)           |   | Animation(11 opt hình)(3TC)      |   | Giáo dục thể chất 4 (1TC) |   |   |
| 6  | Kỳ 6<br>(16 TC) | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (2TC)                         | Lịch sử Đảng CSVN (2TC)                                                                                                                                                                                                                                                     |   | Video âm nhạc (MV) (3TC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   | Tiếng Anh chuyên ngành (3TC)                      |   |                                |   | Thực tập nghiệp vụ (4TC)         |   |                           |   |   |
| 7  | Kỳ 7<br>(18TC)  | Quản trị kinh doanh truyền thông số(3TC)                                         | Chọn 1 trong 4 HP: Lao động nhà báo (3TC); Tổ chức và an toàn thông tin (3TC); Bản quyền và sở hữu trí tuệ (3TC); Quản trị truyền thông trong khủng hoảng (3TC)                                                                                                             |   | Chọn 3 trong 10 HP: Truyền thông chính sách (3TC); Truyền thông doanh nghiệp (3TC); Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ (3TC); Truyền thông văn hóa - nghệ thuật(3TC); Phim ngắn(3TC); Chương trình thực tế(3TC); Xuất bản điện tử (3TC); Kịch bản và format trò chơi trực tuyến(3TC); Sản phẩm số(3TC); Báo chí - truyền thông đa nền tảng(3TC) |   | Báo chí và truyền thông dữ liệu(3TC)              |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 8  | Kỳ 8<br>(10TC)  |                                                                                  | Khảo luận/Sản phẩm TN (6TC) hoặc học 2 HP thay thế:<br>KL: Nghiên cứu thị trường truyền thông (3TC); Biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện(3TC)                                                                                                                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   | Thực tập tốt nghiệp (4TC) |   |   |
| 9  |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 10 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 11 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 12 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 13 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 14 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 15 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 16 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 17 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 18 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 19 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 20 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 21 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |
| 22 |                 |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                   |   |                                |   |                                  |   |                           |   |   |

Khối lượng kiến thức trong 01 học kỳ được bố trí đảm bảo cho việc tiếp thu kiến thức của sinh viên ở mức trung bình, tránh trường hợp quá tải cũng như quá ít trong học kỳ (khoảng 16 tín chỉ/kỳ, kế hoạch đào tạo chuẩn được thiết kế để hoàn thành chương trình đào tạo trong 8 học kỳ).

Sơ đồ cây chương trình đào tạo là căn cứ để sinh viên lập kế hoạch học tập cá nhân, số lượng môn học có thể nhiều hoặc ít hơn so với yêu cầu của lộ trình đào tạo chuẩn (tuy nhiên tổng thời gian của khóa học không được vượt quá thời gian quy định cho chương trình).

Cần có quy ước về ký hiệu học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước (nếu có).

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1. Các khối kiến thức

|                                                |           |
|------------------------------------------------|-----------|
| <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>       | <b>44</b> |
| - Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh | 11        |
| - Khoa học xã hội và nhân văn                  | 15        |
| <i>Bắt buộc:</i>                               | 9         |
| <i>Tự chọn:</i>                                | 6/18      |
| - Tin học                                      | 3         |
| - Ngoại ngữ                                    | 15/30     |
| <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>   | <b>86</b> |
| - Kiến thức cơ sở ngành                        | 18        |
| <i>Bắt buộc:</i>                               | 12        |
| <i>Tự chọn:</i>                                | 6/18      |
| - Kiến thức ngành                              | 57        |
| <i>Bắt buộc:</i>                               | 48        |

|                                                      |             |
|------------------------------------------------------|-------------|
| <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>             | <b>44</b>   |
| Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp              | 8           |
| Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp | 6           |
| <i>Tự chọn:</i>                                      | <i>9/30</i> |
| - Kiến thức bổ trợ                                   | 11          |
| <i>Bắt buộc:</i>                                     | <i>5</i>    |
| <i>Tự chọn:</i>                                      | <i>6/12</i> |

## 9.2. Nội dung chi tiết

| TT                                               | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ |                |        | Số tiết   |            |              |              |                      |        | Học phần tiên quyết |
|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|------------|----------------|----------------|--------|-----------|------------|--------------|--------------|----------------------|--------|---------------------|
|                                                  |             |                                |            | Lý thuyết (LT) | Thực hành (TH) | Tự học | Lý thuyết |            | Thực hành    |              |                      | Tự học |                     |
|                                                  |             |                                |            |                |                |        | Trực tiếp | Trực tuyến | Tại phòng LT | Tại phòng TH | Thực địa/ trực tuyến |        |                     |
| A. Kiến thức giáo dục đại cương                  |             |                                | 44         |                |                |        |           |            |              |              |                      |        |                     |
| A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh |             |                                | 11         |                |                |        |           |            |              |              |                      |        |                     |
| 1                                                | TM01012     | Triết học Mác-Lênin            | 3          | 15             | 15             | 15     | 10        | 5          | 20           | 0            | 10                   | 45     |                     |
| 2                                                | KT01001     | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | 2          | 20             | 5              | 5      | 20        | 0          | 10           | 0            | 0                    | 15     |                     |
| 3                                                | CN01002     | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2          | 20             | 5              | 5      | 10        | 10         | 5            | 0            | 5                    | 15     |                     |
| 4                                                | LS01001     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          | 20             | 5              | 5      | 10        | 10         | 10           | 0            | 0                    | 15     |                     |
| 5                                                | TH01001     | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2          | 20             | 5              | 5      | 20        | 0          | 5            | 0            | 5                    | 15     |                     |
| A2. Khoa học xã hội và nhân văn                  |             |                                | 15         |                |                |        |           |            |              |              |                      |        |                     |
| Bắt buộc                                         |             |                                | 9          |                |                |        |           |            |              |              |                      |        |                     |

|                                                 |         |                                                    |       |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
|-------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|-------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| 6                                               | NP01001 | Pháp luật đại cương                                | 3     | 25 | 10 | 10 | 20 | 5  | 15 | 0  | 5  | 30 |  |
| 7                                               | CT01001 | Chính trị học                                      | 2     | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 5  | 0  | 5  | 15 |  |
| 8                                               | XD01001 | Xây dựng Đảng                                      | 2     | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 10 | 0  | 0  | 15 |  |
| 9                                               | TG01004 | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn | 2     | 15 | 15 | 0  | 5  | 10 | 30 | 0  | 0  | 0  |  |
| <i>Tự chọn</i>                                  |         |                                                    | 6/18  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 10                                              | XH01001 | Xã hội học đại cương                               | 2     | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 5  | 0  | 5  | 15 |  |
| 11                                              | QT02552 | Địa chính trị thế giới                             | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |  |
| 12                                              | XB01101 | Tiếng Việt thực hành                               | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |  |
| 13                                              | KT01006 | Kinh tế học đại cương                              | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |  |
| 14                                              | TT01002 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                             | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |  |
| 15                                              | ĐC01006 | Ngôn ngữ học đại cương                             | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |  |
| 16                                              | TG01007 | Tâm lý học xã hội                                  | 2     | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 10 | 0  | 0  | 15 |  |
| 17                                              | QT01001 | Quan hệ quốc tế đại cương                          | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |  |
| 18                                              | ĐC01004 | Lý luận văn học                                    | 2     | 20 | 5  | 5  | 20 | 10 | 15 | 0  | 0  | 0  |  |
| <b>A3. Toán và khoa học tự nhiên</b>            |         |                                                    | 3     |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 19                                              | ĐC01005 | Tin học ứng dụng                                   | 3     | 5  | 20 | 20 | 5  | 0  | 0  | 40 | 0  | 60 |  |
| <b>A4. Ngoại ngữ</b>                            |         |                                                    | 15/30 |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 20                                              | NN01015 | Tiếng Anh học phần 1                               | 4     | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |  |
| 21                                              | NN01016 | Tiếng Anh học phần 2                               | 4     | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |  |
| 22                                              | NN01017 | Tiếng Anh học phần 3                               | 4     | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |  |
| 23                                              | NN01023 | Tiếng Anh học phần 4                               | 3     | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 25 | 0  | 15 | 15 |  |
| 24                                              | NN01019 | Tiếng Trung học phần 1                             | 4     | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |  |
| 25                                              | NN01020 | Tiếng Trung học phần 2                             | 4     | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |  |
| 26                                              | NN01021 | Tiếng Trung học phần 3                             | 4     | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |  |
| 27                                              | NN01024 | Tiếng Trung học phần 4                             | 3     | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 25 | 0  | 15 | 15 |  |
| <b>B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |         |                                                    | 86    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| <b>B1. Kiến thức cơ sở ngành</b>                |         |                                                    | 18    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| <i>Bắt buộc</i>                                 |         |                                                    | 12    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 28                                              | BC02801 | Lý thuyết truyền thông                             | 3     | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0  | 25 | 15 |  |

|                            |         |                                                      |      |    |    |    |    |    |    |   |    |    |  |
|----------------------------|---------|------------------------------------------------------|------|----|----|----|----|----|----|---|----|----|--|
| 29                         | PT02306 | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông          | 3    | 20 | 20 | 5  | 10 | 10 | 20 | 0 | 20 | 15 |  |
| 30                         | BC02115 | Công chúng báo chí - truyền thông                    | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |  |
| 31                         | QQ02101 | Quan hệ công chúng và quảng cáo                      | 3    | 15 | 15 | 15 | 10 | 5  | 15 | 0 | 15 | 45 |  |
| <i>Tự chọn</i>             |         |                                                      | 6/18 |    |    |    |    |    |    |   |    |    |  |
| 32                         | BC02104 | Quản trị báo chí - truyền thông                      | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |  |
| 33                         | BC02803 | Tâm lý học báo chí – truyền thông                    | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |  |
| 34                         | BC02905 | Truyền thông sáng tạo                                | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |  |
| 35                         | PT02807 | Truyền thông xã hội và mạng xã hội                   | 3    | 20 | 20 | 5  | 10 | 10 | 20 | 0 | 20 | 15 |  |
| 36                         | QT03629 | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |  |
| 37                         | BC02602 | Mỹ thuật                                             | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| <b>B2. Kiến thức ngành</b> |         |                                                      | 41   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |  |
| <i>Bắt buộc</i>            |         |                                                      | 32   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |  |
| 38                         | BC02701 | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 | 3    | 15 | 30 | 0  | 15 | 0  | 15 | 0 | 45 | 0  |  |
| 39                         | BC03710 | Nhiếp ảnh                                            | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |  |
| 40                         | BC02601 | Thiết kế web và ứng dụng                             | 4    | 20 | 35 | 5  | 15 | 5  | 0  | 0 | 70 | 15 |  |
| 41                         | BC02603 | Thiết kế đồ họa                                      | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| 42                         | BC02604 | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| 43                         | PT02601 | Sản xuất Audio                                       | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| 44                         | PT02602 | Sản xuất Video                                       | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| 45                         | BC03701 | Animation (Hoạt hình)                                | 3    | 20 | 20 | 5  | 10 | 10 | 20 | 0 | 20 | 15 |  |
| 46                         | BC03703 | Video âm nhạc (MV)                                   | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| 47                         | BC04812 | Báo chí và truyền thông dữ liệu                      | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |  |
| <i>Tự chọn</i>             |         |                                                      | 9/30 |    |    |    |    |    |    |   |    |    |  |

|                                           |         |                                                    |           |    |    |    |    |    |    |   |     |    |  |
|-------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|-----------|----|----|----|----|----|----|---|-----|----|--|
| 48                                        | BC02605 | Truyền thông chính sách                            | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 49                                        | QQ02642 | Truyền thông doanh nghiệp                          | 3         | 15 | 15 | 15 | 10 | 5  | 15 | 0 | 15  | 45 |  |
| 50                                        | BC02607 | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ    | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 51                                        | BC02608 | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật                  | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 52                                        | PT03706 | Phim ngắn                                          | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 53                                        | PT03928 | Chương trình thực tế                               | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 54                                        | XB03929 | Xuất bản điện tử                                   | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 55                                        | PT03927 | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến             | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 56                                        | PT03702 | Siêu phẩm số (mega-story)                          | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 57                                        | BC03918 | Báo chí - truyền thông đa nền tảng                 | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| <b>B3. Kiến thức bổ trợ</b>               |         |                                                    | <b>11</b> |    |    |    |    |    |    |   |     |    |  |
| <i>Bắt buộc</i>                           |         |                                                    | 8         |    |    |    |    |    |    |   |     |    |  |
| 58                                        | BC02609 | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện | 5         | 30 | 40 | 5  | 20 | 10 | 20 | 0 | 60  | 15 |  |
| 59                                        | BC02611 | Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số     | 3         | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 15 | 5 | 40  | 0  |  |
| <i>Tự chọn</i>                            |         |                                                    | 3/12      |    |    |    |    |    |    |   |     |    |  |
| 60                                        | BC03804 | Lao động nhà báo                                   | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 61                                        | BC02610 | Bản quyền và sở hữu trí tuệ                        | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 62                                        | BC02614 | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng            | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| 63                                        | BC02612 | Tổ chức và an toàn thông tin                       | 3         | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25  | 15 |  |
| <b>B4. Thực tế, thực tập và khóa luận</b> |         |                                                    | <b>16</b> |    |    |    |    |    |    |   |     |    |  |
| 64                                        | BC02952 | Thực tế chính trị - xã hội                         | 2         | 15 | 15 | 0  | 15 | 0  | 15 | 0 | 15  | 0  |  |
| 65                                        | BC03643 | Thực tập nghiệp vụ                                 | 4         | 5  | 50 | 5  | 5  | 0  | 0  | 0 | 100 | 15 |  |
| 66                                        | BC03644 | Thực tập tốt nghiệp                                | 4         | 5  | 50 | 5  | 5  | 0  | 0  | 0 | 100 | 15 |  |
| 67                                        | BC04943 | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận                      | 6         | 10 | 65 | 15 | 10 | 0  | 0  | 0 | 130 | 45 |  |

|    |         |                                    |   |    |    |   |    |   |    |   |    |   |  |
|----|---------|------------------------------------|---|----|----|---|----|---|----|---|----|---|--|
|    |         | tốt nghiệp                         |   |    |    |   |    |   |    |   |    |   |  |
|    |         | Học phần thay thế khóa luận        | 6 |    |    |   |    |   |    |   |    |   |  |
| 68 | BC03704 | Nghiên cứu thị trường truyền thông | 3 | 15 | 30 | 0 | 10 | 5 | 15 | 5 | 40 | 0 |  |
| 69 | BC03705 | Biên tập sản phẩm đa phương tiện   | 3 | 15 | 30 | 0 | 10 | 5 | 15 | 5 | 40 | 0 |  |

#### 10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các mô đun, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

| TT | Tên học phần                   | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|--------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
| 1  | Triết học Mác-Lênin            | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 2  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin  | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 3  | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 4  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 5  | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 6  | Pháp luật đại                  |                                          | x |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần                                       | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |   |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---|--|--|--|
|    |                                                    | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |   |  |  |  |
|    |                                                    |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |   |  |  |  |
|    | cương                                              |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |   |  |  |  |
| 7  | Chính trị học                                      |                                          | x |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 8  | Xây dựng Đảng                                      |                                          | x |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 9  | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 10 | Xã hội học đại cương                               |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 11 | Địa chính trị thế giới                             |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 12 | Tiếng Việt thực hành                               |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 13 | Kinh tế học đại cương                              |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 14 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                             |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 15 | Ngôn ngữ học đại cương                             |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 16 | Tâm lý học xã hội                                  |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 17 | Quan hệ quốc tế đại cương                          |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 18 | Lý luận văn học                                    |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 19 | Tin học ứng dụng                                   |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 20 | Tiếng Anh học phần 1                               |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 21 | Tiếng Anh học                                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |

| TT | Tên học phần                                | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|---------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                             | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | phần 2                                      |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 22 | Tiếng Anh học phần 3                        |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 23 | Tiếng Anh học phần 4                        |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 24 | Tiếng Trung học phần 1                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 25 | Tiếng Trung học phần 2                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 26 | Tiếng Trung học phần 3                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 27 | Tiếng Trung học phần 4                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 28 | Lý thuyết truyền thông                      |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 29 | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 30 | Công chúng báo chí - truyền thông           |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 31 | Quan hệ công chúng và quảng cáo             |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 32 | Quản trị báo chí - truyền thông             |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 33 | Tâm lý học báo chí – truyền thông           |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần                                         | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|------------------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                                      | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
| 34 | Truyền thông sáng tạo                                |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 35 | Truyền thông xã hội và mạng xã hội                   |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 36 | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 37 | Mỹ thuật                                             |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 38 | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 |                                          |   |   |   |   |   | x |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 39 | Nhiếp ảnh                                            |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 40 | Thiết kế web và ứng dụng                             |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 41 | Thiết kế đồ họa                                      |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 42 | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 43 | Sản xuất Audio                                       |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 44 | Sản xuất Video                                       |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 45 | Animation (Hoạt hình)                                |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 46 | Video âm nhạc (MV)                                   |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 47 | Báo chí và truyền thông dữ                           |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần<br>liệu                                  | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                                       | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
| 48 | Truyền thông chính sách                               |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 49 | Truyền thông doanh nghiệp                             |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 50 | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ       |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 51 | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật                     |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 52 | Phim ngắn                                             |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 53 | Chương trình thực tế                                  |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 54 | Xuất bản điện tử                                      |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 55 | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến                |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 56 | Siêu phẩm số (mega-story)                             |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 57 | Báo chí - truyền thông đa nền tảng                    |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 58 | Tiếng Anh chuyên ngành<br>Truyền thông đa phương tiện |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | x  |    | x  | x  | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 59 | Quản trị - kinh                                       |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | x  |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần                             | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                          | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | doanh sản phẩm truyền thông số           |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 60 | Lao động nhà báo                         |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 61 | Tổ chức và an toàn thông tin             |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 62 | Bản quyền và sở hữu trí tuệ              |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 63 | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng  |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 64 | Thực tế chính trị - xã hội               | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    | x  | x  | x  | x  |
| 65 | Thực tập nghiệp vụ                       | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    | x  | x  | x  | x  |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp                      | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 67 | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 68 | Nghiên cứu thị trường truyền thông       |                                          |   |   |   |   |   | x | x | x | x  | x  | x  | x  |    | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 69 | Biên tập sản phẩm đa phương tiện         |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  | x  | x  | x  |    | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |

## 11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, Truyền thông đa phương tiện nói riêng.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến truyền thông đa phương tiện theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về Truyền thông đa phương tiện và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

Cụ thể:

| TT | Mã học phần    | Tên học phần                                       | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |
|----|----------------|----------------------------------------------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
|    |                |                                                    | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1  | <b>TM01012</b> | Triết học Mác-Lênin                                |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 2  | <b>KT01011</b> | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                      |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 3  | <b>CN01002</b> | Chủ nghĩa xã hội khoa học                          | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 4  | <b>LS01002</b> | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                     |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 5  | <b>TH01001</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh                               |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 6  | <b>NP01001</b> | Pháp luật đại cương                                |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 7  | <b>CT01001</b> | Chính trị học                                      | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 8  | <b>XD01001</b> | Xây dựng Đảng                                      |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 9  | <b>TG01004</b> | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 10 | <b>XH01001</b> | Xã hội học đại cương                               |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 11 | <b>QT02552</b> | Địa chính trị thế giới                             |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 12 | <b>ĐC01001</b> | Tiếng Việt thực hành                               |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 13 | <b>KT01006</b> | Kinh tế học đại cương                              |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 14 | <b>TT01002</b> | Cơ sở văn hóa Việt Nam                             |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 15 | <b>ĐC01006</b> | Ngôn ngữ học đại cương                             |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 16 | <b>TG01007</b> | Tâm lý học xã hội                                  |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 17 | <b>QT01001</b> | Quan hệ quốc tế đại cương                          |        |   |   | x |   |   |   |   |

| TT | Mã học phần    | Tên học phần                                         | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |
|----|----------------|------------------------------------------------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
|    |                |                                                      | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 18 | <b>ĐC01004</b> | Lý luận văn học                                      |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 19 | <b>ĐC01005</b> | Tin học ứng dụng                                     | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 20 | <b>NN01015</b> | Tiếng Anh học phần 1                                 | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 21 | <b>NN01016</b> | Tiếng Anh học phần 2                                 |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 22 | <b>NN01017</b> | Tiếng Anh học phần 3                                 |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 23 | <b>NN01023</b> | Tiếng Anh học phần 4                                 |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 24 | <b>NN01019</b> | Tiếng Trung học phần 1                               | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 25 | <b>NN01020</b> | Tiếng Trung học phần 2                               |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 26 | <b>NN01021</b> | Tiếng Trung học phần 3                               |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 27 | <b>NN01024</b> | Tiếng Trung học phần 4                               |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 28 | <b>BC02801</b> | Lý thuyết truyền thông                               | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 29 | <b>PT02306</b> | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông          |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 30 | <b>BC02115</b> | Công chúng báo chí - truyền thông                    |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 31 | <b>QQ02101</b> | Quan hệ công chúng và quảng cáo                      |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 32 | <b>BC02104</b> | Quản trị báo chí - truyền thông                      |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 33 | <b>BC02803</b> | Tâm lý học báo chí – truyền thông                    |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 34 | <b>BC02905</b> | Truyền thông sáng tạo                                |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 35 | <b>PT02807</b> | Truyền thông xã hội và mạng xã hội                   |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 36 | <b>QT03629</b> | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 37 | <b>BC02602</b> | Mỹ thuật                                             |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 38 | <b>BC02701</b> | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 39 | <b>BC03710</b> | Nhiếp ảnh                                            |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 40 | <b>BC02601</b> | Thiết kế web và ứng dụng                             |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 41 | <b>BC02603</b> | Thiết kế đồ họa                                      |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 42 | <b>BC02604</b> | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 43 | <b>PT02601</b> | Sản xuất Audio                                       |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 44 | <b>PT02602</b> | Sản xuất Video                                       |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 45 | <b>BC03701</b> | Animation<br>(Hoạt hình)                             |        |   |   |   | x |   |   |   |

| TT | Mã học phần | Tên học phần                                       | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |
|----|-------------|----------------------------------------------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
|    |             |                                                    | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 46 | BC03703     | Video âm nhạc (MV)                                 |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 47 | BC04812     | Báo chí và truyền thông dữ liệu                    |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 48 | BC02605     | Truyền thông chính sách                            |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 49 | QQ02642     | Truyền thông doanh nghiệp                          |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 50 | BC02607     | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ    |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 51 | BC02608     | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật                  |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 52 | PT03706     | Phim ngắn                                          |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 53 | PT03928     | Chương trình thực tế                               |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 54 | XB03929     | Xuất bản điện tử                                   |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 55 | PT03927     | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến             |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 56 | PT03702     | Siêu phẩm số (mega-story)                          |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 57 | BC03918     | Báo chí - truyền thông đa nền tảng                 |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 58 | BC02621     | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 59 | BC02611     | Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số     |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 60 | BC03804     | Lao động nhà báo                                   |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 61 | BC02612     | Tổ chức và an toàn thông tin                       |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 62 | BC02610     | Bản quyền và sở hữu trí tuệ                        |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 63 | BC02614     | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng            |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 64 | BC02952     | Thực tế chính trị - xã hội                         |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 65 | BC03643     | Thực tập nghiệp vụ                                 |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 66 | BC03644     | Thực tập tốt nghiệp                                |        |   |   |   |   |   |   | x |
| 67 | BC04943     | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp           |        |   |   |   |   |   |   | x |
| 68 | BC03704     | Nghiên cứu thị trường truyền thông                 |        |   |   |   |   |   |   | x |
| 69 | BC03705     | Biên tập sản phẩm đa phương tiện                   |        |   |   |   |   |   |   | x |

## 12. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy thường được sử dụng ở bậc đại học: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)...

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| TT | Phương pháp giảng dạy      | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |   |  |  |  |
|----|----------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---|--|--|--|
|    |                            | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |   |  |  |  |
| 1  | Giảng lý thuyết            | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |
| 2  | Nghiên cứu trường hợp      |                                          |   |   |   |   |   |   |   | x | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x |  |  |  |
| 3  | Đóng vai, mô phỏng         |                                          |   |   |   |   |   |   |   | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |
| 4  | Thảo luận                  | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |
| 5  | Thuyết trình của người học |                                          |   |   |   |   |   |   |   | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |
| 6  | Thông qua dự án            |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |
| 7  | Bài tập thực hành          | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |
| 8  | Nghiên cứu thực tế         | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |   |  |  |  |

### 13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| TT | Phương pháp học tập                | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
|----|------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
|    |                                    | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |  |
| 1  | Đọc tài liệu                       | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 2  | Tìm kiếm thông tin                 | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |  |
| 3  | Nhận xét tài liệu                  | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |  |
| 4  | Làm việc nhóm                      | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |  |
| 5  | Quan sát thực địa                  |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 6  | Thực hành kỹ năng nghề nghiệp      |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |  |
| 7  | Sản xuất các sản phẩm truyền thông |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |  |

#### 14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

| TT | Tên học phần                   | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|--------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
| 1  | Triết học Mác-Lênin            | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 2  | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 3  | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 4  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 5  | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 6  | Pháp luật đại cương            | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 7  | Chính trị học                  | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 8  | Xây dựng Đảng                  | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 9  | Phương pháp nghiên cứu khoa    | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

| TT | Tên học phần              | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|---------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                           | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
|    | học xã hội và nhân văn    |           |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 10 | Xã hội học đại cương      | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 11 | Địa chính trị thế giới    | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 12 | Tiếng Việt thực hành      | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 13 | Kinh tế học đại cương     | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 14 | Cơ sở văn hóa Việt Nam    | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 15 | Ngôn ngữ học đại cương    | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 16 | Tâm lý học xã hội         | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 17 | Quan hệ quốc tế đại cương | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 18 | Lý luận văn học           | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 19 | Tin học ứng dụng          |           |             |                       |                               | x       |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 20 | Tiếng Anh học phần 1      |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 21 | Tiếng Anh học phần 2      |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 22 | Tiếng Anh học             |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

| TT | Tên học phần                                | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|---------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                             | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
|    | phần 3                                      |           |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 23 | Tiếng Anh học phần 4                        |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 24 | Tiếng Trung học phần 1                      |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 25 | Tiếng Trung học phần 2                      |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 26 | Tiếng Trung học phần 3                      |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 27 | Tiếng Trung học phần 4                      |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 28 | Lý thuyết truyền thông                      |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 29 | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 30 | Công chúng báo chí - truyền thông           |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 31 | Quan hệ công chúng và quảng cáo             |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 32 | Quản trị báo chí - truyền thông             |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 33 | Tâm lý học báo chí – truyền                 |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

| TT | Tên học phần                                         | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                                      | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiêu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiêu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
|    |                                                      |           |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
|    | thông                                                |           |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 34 | Truyền thông sáng tạo                                |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 35 | Các loại hình báo chí                                |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 36 | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 37 | Mỹ thuật                                             |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 38 | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 39 | Nhiếp ảnh                                            |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 40 | Thiết kế web và ứng dụng                             |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 41 | Thiết kế đồ họa                                      |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 42 | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 43 | Sản xuất Audio                                       |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 44 | Sản xuất Video                                       |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 45 | Animation (Hoạt hình)                                |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 46 | Video âm nhạc                                        |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

| TT | Tên học phần<br>(MV)                            | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|-------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                                 | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
|    |                                                 |           |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 47 | Báo chí và truyền thông dữ liệu                 |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 48 | Truyền thông chính sách                         |           |             |                       |                               | x       |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 49 | Truyền thông doanh nghiệp                       |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 50 | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 51 | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật               | x         |             |                       |                               |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 52 | Phim ngắn                                       |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 53 | Chương trình thực tế                            |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 54 | Xuất bản điện tử                                |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 55 | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến          |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 56 | Siêu phẩm số (mega-story)                       |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 57 | Báo chí - truyền thông đa nền tảng              |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 58 | Tiếng Anh chuyên ngành                          |           |             |                       | x                             |         |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

| TT | Tên học phần                                   | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------------|---------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                                | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm       | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
|    | Truyền thông đa phương tiện                    |           |             |                       |                               |         |           |                   |                         |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 59 | Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                         |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 60 | Lao động nhà báo                               |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                       |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 61 | Tổ chức và an toàn thông tin                   |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                         |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 62 | Bản quyền và sở hữu trí tuệ                    |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                         |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 63 | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng        |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                         |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 64 | Thực tế chính trị - xã hội                     |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                       |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 65 | Thực tập nghiệp vụ                             |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                       |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp                            |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                       |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 67 | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp       |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                       |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 68 | Nghiên cứu thị trường truyền thông             |           |             |                       |                               | x       |           |                   |                         |         |             |                       |                               |         |           |             |          |

| TT | Tên học phần                     | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |         |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|----------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------------|---------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                  | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm       | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
| 69 | Biên tập sản phẩm đa phương tiện |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                       |         |             |                       |                               |         |           |             |          |

## 15. Điều kiện đội ngũ

### 15.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

| TT | Họ và tên             | Năm sinh | Chuyên môn                   | Học hàm |     | Học vị |     |    |
|----|-----------------------|----------|------------------------------|---------|-----|--------|-----|----|
|    |                       |          |                              | GS      | PGS | TS     | ThS | ĐH |
| 1  | Đỗ Thị Thu Hằng       | 1969     | Báo chí                      |         | x   |        |     |    |
| 2  | Nguyễn Văn Dũng       | 1957     | Báo chí                      |         | x   |        |     |    |
| 3  | Trương Thị Kiên       | 1978     | Báo chí                      |         | x   |        |     |    |
| 4  | Lê Thu Hà             | 1982     | Báo chí                      |         |     | x      |     |    |
| 5  | Lê Thị Nhã            | 1966     | Báo chí                      |         |     | x      |     |    |
| 6  | Vũ Huyền Nga          | 1975     | Báo chí                      |         |     | x      |     |    |
| 7  | Nguyễn Thị Tuyết Minh | 1976     | Xã hội học                   |         |     | x      |     |    |
| 8  | Nguyễn Thị Hằng Thu   | 1984     | Báo chí                      |         |     | x      |     |    |
| 9  | Trần Quang Huy        | 1968     | Ngoại ngữ, Kinh tế đối ngoại |         |     |        | x   |    |
| 10 | Lương Thị Phương Diệp | 1985     | Báo chí                      |         |     |        | x   |    |

|    |                   |      |                   |  |   |   |   |  |
|----|-------------------|------|-------------------|--|---|---|---|--|
| 11 | Dương Quốc Bình   | 1986 | Truyền thông      |  |   |   | x |  |
| 12 | Nguyễn Văn Hào    | 1986 | Đạo diễn, Báo chí |  |   |   | x |  |
| 13 | Bùi Đức Anh Linh  | 1987 | Báo chí           |  |   |   | x |  |
| 14 | Phạm Thị Mai Liên | 1991 | Báo chí           |  |   |   | x |  |
| 15 | Trần Minh Tuấn    | 1991 | Báo chí           |  |   |   | x |  |
| 16 | Nguyễn Ngọc Oanh  | 1965 | Báo chí           |  | x |   | x |  |
| 17 | Nguyễn Hoàng Oanh | 1990 | Truyền thông      |  |   |   | x |  |
| 18 | Vũ Tuấn Hà        | 1984 | Báo chí           |  |   | x |   |  |
| 19 | Lương Đông Sơn    | 1991 | Báo chí           |  |   |   | x |  |
| 20 | Nguyễn Thị Thu    | 1990 | Báo chí           |  |   |   | x |  |

**15.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng**

| TT | Họ và tên        | Năm sinh | Chuyên môn          | Học hàm |     | Học vị |     |    |
|----|------------------|----------|---------------------|---------|-----|--------|-----|----|
|    |                  |          |                     | GS      | PGS | TS     | ThS | ĐH |
| 1  | Nguyễn Thành Lợi | 1974     | Báo chí             |         | X   |        |     |    |
| 2  | Nguyễn Quang Hoà | 1959     | Báo chí             |         |     | x      |     |    |
| 3  | Trần Quang Diệu  | 1978     | Công nghệ thông tin |         |     | x      |     |    |
| 4  | Ngô Hồng Hạnh    | 1975     | Báo chí             |         |     |        | x   |    |
| 5  | Nguyễn Đồng Anh  | 1987     | Truyền thông        |         |     |        | x   |    |
| 6  | Trần Lệ Thuỳ     | 1975     | Báo chí             |         |     |        | x   |    |
| 7  | Vũ Thế Cường     | 1978     | Truyền thông        |         |     |        | x   |    |
| 8  | Nguyễn Tri Thức  | 1975     | Báo chí             |         |     | x      |     |    |
| 9  | Đỗ Anh Đức       | 1978     | Truyền thông        |         |     | x      |     |    |
| 10 | Vũ Văn Luật      | 1976     | Quản trị kinh doanh |         |     | x      |     |    |

**16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT**

**16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

**Phòng thực hành, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

| <b>TT</b> | <b>Tên</b>                                   | <b>Các trang thiết bị chính</b>                                                               | <b>Số lượng</b> |
|-----------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>1</b>  | Phòng thực hành<br>Ảnh báo chí               | - Máy ảnh Canon EOS D1200.<br>- Máy ảnh Nikon D800.<br>- Máy tính bàn DELL.<br>- Đèn chụp ảnh | 1               |
| <b>2</b>  | Phòng thực hành<br>Xuất bản báo in           | - Máy tính bàn.<br>- Máy chủ DELL.<br>- Máy in.<br>- Máy chiếu.<br>- Âm thanh.                | 1               |
| <b>3</b>  | Phòng thực hành<br>Báo chí – Truyền<br>thông | - Máy tính bàn.<br>- Máy in khổ A3.<br>- Máy chiếu.<br>- Âm thanh.                            | 2               |
| <b>4</b>  | Phòng thực hành<br>Phát thanh - Thu<br>thanh | - Bộ trộn tín hiệu.<br>- Micro.<br>- Loa kiểm âm.                                             | 1               |

| <i><b>TT</b></i> | <i><b>Tên</b></i>         | <i><b>Các trang thiết bị chính</b></i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <i><b>Số lượng</b></i> |
|------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|                  |                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy ghi âm KTS.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                            |                        |
| <b>5</b>         | Phòng thực hành quay phim | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay phim.</li> <li>- Bộ bàn trộn hình Full HD.</li> <li>- Bộ ghi hình Full HD.</li> <li>- Mixer Audio Soundcraft.</li> <li>- Mixer Video SONY.</li> <li>- Tivi</li> <li>- Cầu (Boom Camera).</li> <li>- Ray (Doll Camera).</li> <li>- Bàn ghế trường quay.</li> <li>- Đèn trường quay</li> </ul> | 1                      |

| <i><b>TT</b></i> | <i><b>Tên</b></i>                          | <i><b>Các trang thiết bị chính</b></i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <i><b>Số lượng</b></i> |
|------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>6</b>         | Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay HD HXC-FB75KC.</li> <li>- Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70.</li> <li>- Hệ thống nhắc lời QPRO17.</li> <li>- Hệ thống bàn trộn hình HVS-110.</li> <li>- Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G.</li> <li>- Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E).</li> <li>- Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực.</li> <li>- Hệ thống phát file.</li> <li>- Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ.</li> <li>- Hệ thống thu ghi tín hiệu.</li> <li>- Thiết bị thu/phát tín hiệu.</li> <li>- Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ.</li> <li>- Hệ thống thiết bị intercom và audio.</li> <li>- Hệ thống ánh sáng trường quay.</li> <li>- Bàn ghế sofa dùng cho talkshow.</li> </ul> | <b>1</b>               |

| <i><b>TT</b></i> | <i><b>Tên</b></i>                   | <i><b>Các trang thiết bị chính</b></i>                                                                                                             | <i><b>Số lượng</b></i> |
|------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>7</b>         | Phòng thực hành dựng hình.          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay XDCAM HD422.</li> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Máy in khổ A3.</li> </ul> | 1                      |
| <b>8</b>         | Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Tai nghe.</li> </ul>                                       | 4                      |
| <b>9</b>         | Phòng thực hành Xuất bản            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Máy Scan.</li> <li>- Máy Phôtô.</li> </ul>                 | 1                      |
| <b>10</b>        | Phòng thực hành Bảo mạng điện tử    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Tai nghe.</li> </ul>                                       | 1                      |
| <b>11</b>        | Phòng thực hành tin học             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> </ul>                                                            | 4                      |

**Thông kê phòng học**

| <i>TT</i>   | <i>Loại phòng</i>                                                                                                      | <i>Số lượng</i> | <i>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</i> |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------|
| <b>1</b>    | Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu | 251             | 18.024                                        |
| <b>1.1.</b> | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ                                                                                 | 01              | 1.450                                         |
| <b>1.2.</b> | Phòng học từ 100 - 200 chỗ                                                                                             | 10              | 1.317                                         |
| <b>1.3.</b> | Phòng học từ 50 - 100 chỗ                                                                                              | 57              | 3.990                                         |
| <b>1.4.</b> | Số phòng học dưới 50 chỗ                                                                                               | 29              | 1.362                                         |
| <b>1.5</b>  | Số phòng học đa phương tiện                                                                                            | 01              | 100                                           |
| <b>1.6</b>  | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu                                                             | 153             | 9.805                                         |
| <b>2</b>    | Thư viện, trung tâm học liệu                                                                                           | 6               | 3.914                                         |
| <b>3</b>    | Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập                              | 17              | 3.709                                         |
| <b>4</b>    | Nhà để xe                                                                                                              | 02              | 404                                           |
| <b>5</b>    | Nhà Y tế                                                                                                               | 02              | 120                                           |
| <b>6</b>    | Nhà ở KTX (phòng)                                                                                                      | 453             | 23.723                                        |
| <b>7</b>    | Khu thể thao                                                                                                           | 3               | 6.039                                         |
| <b>8</b>    | Khu dịch vụ                                                                                                            | 4               | 3.392                                         |
| <b>9</b>    | Phòng chờ GV                                                                                                           | 10              | 350                                           |

| <i>TT</i> | <i>Loại phòng</i> | <i>Số lượng</i> | <i>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</i> |
|-----------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|
| <i>10</i> | Khu WC            | 10              | 420                                           |
|           | <i>Tổng</i>       |                 | <i>60.095</i>                                 |

### *16.2. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy*

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

| <b>TT</b> | <b>Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành</b> | <b>Số lượng</b>                                                  |
|-----------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1.        | Khối ngành VII                       | 29.529 đầu sách, trong đó: 6.023 tài liệu số; 23.506 tài liệu in |

### *16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng*

| <b>STT</b> | <b>Loại tài liệu</b> | <b>Số lượng</b> |
|------------|----------------------|-----------------|
| 1          | Giáo trình           | 60              |
| 2          | Sách chuyên khảo     | 70              |
| 3          | Sách tham khảo       | 70              |
| 4          | Đề cương bài giảng   | 10              |

### 17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian điều chỉnh: 2 năm rà soát điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.
  - Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ
  - Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
  - Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
  - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
  - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
  - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung
- Sinh viên chọn một học phần tự chọn trong cùng khối kiến thức không trùng với học phần đã học để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.

### 18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

| TT | Tiêu chí<br>(theo<br>Thông tư<br>08/2011-<br>TT-<br>BGDDT) | Chương trình đào tạo<br>chuyên ngành Phát triển và<br>ứng dụng TTĐPT của Học<br>viện<br><br>Báo chí và Tuyên truyền<br>(Ban hành theo Quyết định số<br>4982-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày<br>26 tháng 10 năm 2018 của<br>Giám đốc Học viện Báo chí<br>và Tuyên truyền) | Chương trình đào tạo<br>chuyên ngành Sản phẩm<br>TTĐPT của Học viện<br>Báo chí và Tuyên truyền<br>(Ban hành theo Quyết định số<br>4983-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày<br>26 tháng 10 năm 2018 của<br>Giám đốc Học viện Báo chí<br>và Tuyên truyền) | Chương trình<br>đào tạo ngành TTĐPT<br>(không phân chuyên ngành)<br>năm 2022 | Ghi chú<br>(Giống/khác<br>nhau, lý giải<br>nguyên nhân,<br>căn cứ của việc<br>điều chỉnh) |
|----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                   |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Mục tiêu chung | <p>Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong các cơ quan, tổ chức báo chí, truyền thông.</p> | <p>Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.</p> | <p>Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện hiểu, vận dụng quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.</p> | <p>Bổ sung tổng quát hơn; Mục tiêu tập trung vào nguồn nhân lực đáp ứng tốt hơn và phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn; Chỉ đào tạo theo ngành, không đào tạo theo chuyên ngành</p> |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                              |
|--|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|  | <p>Mục tiêu cụ thể</p> | <p><i>Về kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm và phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông</li> </ul> | <p><i>Về kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.44</li> </ul> | <p><i>Về kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với ngành Truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp phát triển, ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học</li> </ul> | <p>Kiến thức tổng hợp, thực tiễn cao hơn</p> |
|--|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                       |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p><i>Về kỹ năng</i></p> <p>* Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...</p> <p>- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như trò chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ</p> | <p><i>Về kỹ năng</i></p> <p>* Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...</p> <p>- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền thông mới như megastory, đồ họa 2D, 3D,</p> | <p><i>Về kỹ năng</i></p> <p>* Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...</p> <p>- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền thông mới như megastory, đồ họa 2D, 3D,</p> | <p>Kỹ năng có định hướng tổng hợp, thực tiễn cao hơn; Chú trọng nhiều kỹ năng hơn, đặc biệt là kỹ năng để nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực sau khi tốt nghiệp</p> |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|  | <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.</li> <li>- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.</li> <li>- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</li> <li>- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.</li> <li>- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.</li> </ul> | <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.</li> <li>- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.</li> <li>- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</li> <li>- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.</li> <li>- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.</li> </ul> | <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.</li> <li>- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.</li> <li>- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</li> <li>- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.</li> <li>- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.</li> </ul> | Giống nhau |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

|                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                              |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Vị trí<br/>việc làm<br/>sau tốt<br/>nghệp</p> | <p>Người được đào tạo<br/>có khả năng đảm nhiệm<br/>các vị trí việc làm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và các địa phương;</li> <li>- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, viễn thông, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin- truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực</li> </ul> | <p>Người được đào tạo<br/>có khả năng đảm nhiệm<br/>các vị trí việc làm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và các địa phương</li> <li>- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, viễn thông, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin- truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực</li> </ul> | <p>Người được đào tạo có<br/>khả năng đảm nhiệm các vị<br/>trí việc làm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các cơ quan báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và các địa phương</li> <li>- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, công nghệ, giáo dục, giải trí...</li> <li>- Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến truyền thông đa phương tiện.</li> </ul> <p><i>* Các vị trí công việc</i></p> | <p>Mở rộng nhiều<br/>vị trí, cơ hội<br/>việc làm hơn<br/>cho học viên,<br/>nhất là trong<br/>ngành TTĐPT</p> |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |
|---|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|   | - Trình độ ngoại ngữ | Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). | Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). | Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). | Giống nhau                        |
| 2 | Chuẩn đầu ra         | 32 chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                      | 32 chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                      | 27 chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                      | Viết gọn, mang tính tổng quát hơn |

|   |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |
|---|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3 | Thời gian đào tạo              | 4 năm<br>Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. | 4 năm<br>Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. | 4 năm<br>Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. | Giống nhau |
| 4 | Khối lượng kiến thức toàn khóa | 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giống nhau |
| 5 | Chuẩn đầu vào                  | Viết với dạng tiêu chí tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Viết với dạng tiêu chí tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Sửa thành chuẩn đầu vào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |

|   |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |
|---|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 6 | Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp      | <p>Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.</p> <p>Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.</p> | <p>Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.</p> <p>Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.</p> | <p>Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.</p> <p>Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.</p> | Giống nhau |
| 7 | Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra | Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cập nhật, điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |            |
| 8 | Sơ đồ cây chương trình đào tạo               | Chưa có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chưa có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |            |

|    |                       |                                       |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|----|-----------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 9  | Nội dung chương trình | - Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ | - Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ | <p>- Điều chỉnh một số môn cơ sở ngành và ngành, không có các môn chuyên ngành. Các môn của chương trình mới lựa chọn những môn hay nhất, phù hợp nhất ở hai chương trình cũ; đồng thời bổ sung thêm học phần từ ngành Báo chí là Lao động nhà báo; điều chỉnh về số tín chỉ một môn phù hợp hơn.</p> <p>- Phân bổ cụ thể số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học, các tiết học lý thuyết trực tiếp, trực tuyến, thực hành tại phòng học lý thuyết, thực hành trực tuyến, thực hành tại thực địa, thực hành tại phòng thực hành, tự học có hướng dẫn, có kiểm tra, đánh giá của giảng viên.</p> |  |
| 10 | Kế hoạch giảng dạy    | Có                                    | Có                                    | Có, điều chỉnh phù hợp chương trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 11 | Phương pháp học tập   | Chưa có                               | Chưa có                               | Bổ sung, thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |

|    |                                             |         |         |                                                                                                                                                                  |  |
|----|---------------------------------------------|---------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 12 | Hình thức đánh giá                          |         |         | Bổ sung hình thức đánh giá trực tuyến, thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp kiểm tra, đánh giá theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến với từng học phần |  |
| 13 | Hướng dẫn thực hiện chương trình            | Có      | Có      | Có, điều chỉnh theo yêu cầu của chương trình mới                                                                                                                 |  |
| 14 | Điều kiện đội ngũ                           | Chưa có | Chưa có | Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng                                                                                            |  |
| 15 | Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT | Có      | Có      | Có, bổ sung dữ liệu gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.         |  |

#### 19. Mô tả các học phần

| TT                                          | Mã học phần | Tên học phần | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt) |
|---------------------------------------------|-------------|--------------|---------------------------------------------------|
| <b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b> |             |              |                                                   |

| TT                                                     | Mã học phần    | Tên học phần                   | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1.1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b> |                |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1                                                      | <b>TM01012</b> | Triết học Mác - Lênin          | Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.                                                                                                                                            |
| 2                                                      | <b>KT01011</b> | Kinh tế chính trị Mác - Lênin  | Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ... |
| 3                                                      | <b>CN01002</b> | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội XHCN                                                                                                                                                |
| 4                                                      | <b>LS01002</b> | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 5                                                      | <b>TH01001</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt                                                                                                                                                        |

| TT                                      | Mã học phần    | Tên học phần                    | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------|----------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                |                                 | Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b> |                |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <i>Bắt buộc</i>                         |                |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 6                                       | <b>NP01001</b> | Pháp luật đại cương             | Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.                                                                                                                                                                                            |
| 7                                       | <b>CT01001</b> | Chính trị học                   | Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam |
| 8                                       | <b>XD01001</b> | Xây dựng Đảng                   | Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.                                           |
| 9                                       | <b>TG01004</b> | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| TT             | Mã học phần    | Tên học phần           | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------|----------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                | học xã hội và nhân văn | khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.                                                                                                                                                                                           |
| <i>Tự chọn</i> |                |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1              | <b>XH01001</b> | Xã hội học đại cương   | Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng. |
| 1              | <b>QT02552</b> | Địa chính trị thế giới | Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: Các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; Địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.                                                                                                                 |
| 1              | <b>ĐC01001</b> | Tiếng Việt thực hành   | Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1              | <b>KT01006</b> | Kinh tế học đại cương  | Trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, đưa ra công cụ để xác định các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, phân tích các mối quan hệ lớn trên phạm vi toàn thể nền kinh tế; vai trò điều tiết vĩ mô của                                                                        |

| TT | Mã học phần    | Tên học phần              | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                |                           | chính phủ thông qua hệ thống các chính sách tài khoá, tiền tệ, tỷ giá, giúp vận dụng những kiến thức này vào các hoạt động và tình huống thực tiễn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1  | <b>TT01002</b> | Cơ sở văn hóa Việt Nam    | Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...                                                                                                                                                                                            |
| 1  | <b>ĐC01006</b> | Ngôn ngữ học đại cương    | Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí - truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.                                                                                                                                                                                                                           |
| 1  | <b>TG01007</b> | Tâm lý học xã hội         | Trang bị cho sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.                  |
| 1  | <b>QT01001</b> | Quan hệ quốc tế đại cương | Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. |
| 1  | <b>ĐC01004</b> | Lý luận văn học           | Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| TT                                                          | Mã học phần | Tên học phần         | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                             |             |                      | làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>1.3. Tin học</b>                                         |             |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1                                                           | ĐC01005     | Tin học ứng dụng     | Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.                                                                                                                                                                                        |
| <b>1.4. Ngoại ngữ (chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b> |             |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2                                                           | NN01015     | Tiếng Anh học phần 1 | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.                                                                                     |
| 2                                                           | NN01016     | Tiếng Anh học phần 2 | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp. |
| 2                                                           | NN01017     | Tiếng Anh học phần 3 | Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT | Mã học phần | Tên học phần           | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |             |                        | điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 2  | NN01023     | Tiếng Anh học phần 4   | Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam. |
| 2  | NN01019     | Tiếng Trung học phần 1 | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.                                                                                                                                                  |
| 2  | NN01020     | Tiếng Trung học phần 2 | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.                                                                                                          |
| 2  | NN01021     | Tiếng Trung học phần 3 | Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần                                                                                                                                                                                    |

| TT                                              | Mã học phần | Tên học phần                                | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 |             |                                             | gửi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 2                                               | NN01024     | Tiếng Trung học phần 4                      | Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra                                                                            |
| <b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |             |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>               |             |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <i>Bắt buộc</i>                                 |             |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2                                               | BC02801     | Lý thuyết truyền thông                      | Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi. |
| 2                                               | PT02306     | Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông | Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí vi và nhà                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT             | Mã học phần | Tên học phần                      | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------|-------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |             |                                   | báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3              | BC02115     | Công chúng báo chí – truyền thông | Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.                                                                                                                    |
| 3              | QQ02101     | Quan hệ công chúng và quảng cáo   | Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo. |
| <i>Tự chọn</i> |             |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3              | BC02104     | Quản trị báo chí - truyền thông   | Học phần bao gồm những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông thông đối nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.                                                                                                                                                             |

| TT | Mã học phần | Tên học phần                                      | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | BC02803     | Tâm lý học báo chí – truyền thông                 | Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý giao tiếp, tâm lý học sáng tạo và tâm lý tiếp nhận các sản phẩm báo chí truyền thông.                                                                                                                                      |
| 3  | BC02905     | Truyền thông sáng tạo                             | Trên cơ sở lý thuyết về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo, học phần này đề cập tới vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đại chúng. |
| 3  | PT02807     | Truyền thông xã hội và mạng xã hội                | Học phần giới thiệu cho sinh viên các loại hình báo chí (truyền thống và hiện đại), cách thức và phương pháp ứng dụng các loại hình báo chí như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử... trong thực tiễn; xu hướng phát triển của các loại hình báo chí; tổ chức và quản lý hoạt động của các loại hình báo chí...                                                                          |
| 3  | QQ02607     | Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)              | Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần trang bị để vận dụng trong hoạt động truyền thông tiếp thị sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                     |
| 3  | QT03629     | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc | Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế.                                                                                                                                                  |

| TT                          | Mã học phần | Tên học phần                         | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------|-------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             |             | tế                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                             | BC02602     | Mỹ thuật                             | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật tạo hình; các nguyên tắc cơ bản về hình họa; các nguyên tắc cơ bản về trang trí; các nguyên tắc cơ bản về bố cục, đường nét, mảng khối và màu sắc; vận dụng kiến thức mỹ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc trang bị để vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học. |
| <b>2.2. Kiến thức ngành</b> |             |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3                           | BC02701     | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện | Trang bị các kiến thức tổng quan đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                   |
| 3                           | BC02601     | Thiết kế web và ứng dụng             | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết kế web và các vấn đề liên quan đến nội dung và quản trị nội dung trên nền tảng web. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc quản trị triển khai các ứng dụng trên nền tảng web. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế web và ứng dụng, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như tác nghiệp truyền thông sau khi tốt nghiệp.                                                     |

| TT | Mã học phần | Tên học phần    | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|-------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | BC03710     | Nhiếp ảnh       | Học phần bao gồm những nội dung cơ bản lịch sử ra đời của nhiếp ảnh; các phương pháp tạo hình và lý thuyết về các thể loại nhiếp ảnh. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phân biện và sáng tạo các sản phẩm ảnh, bao gồm cả ảnh nghệ thuật và ảnh báo chí.                                                                                                                                                                |
| 4  | BC02603     | Thiết kế đồ họa | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về thiết kế đồ họa, các phần mềm ứng dụng trong sáng tạo sản phẩm đồ họa. Kết thúc học phần, sinh viên có thể tự sáng tạo các tác phẩm đồ họa phục vụ sản xuất các sản phẩm truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản về Thiết kế đồ họa, phục vụ cho các hoạt động học tập cũng như hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp. |
| 4  | PT02601     | Sản xuất Audio  | Học phần có 3 chương, trang bị các kiến thức về vai trò của audio trong môi trường truyền thông số, đặc điểm, xu hướng sử dụng audio, một số phần mềm biên tập âm thanh để sản xuất audio; thực hành kỹ năng sản xuất audio, trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức về audio tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.                                                                                                     |
| 4  | PT02602     | Sản xuất Video  | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và cách quay, dựng hình ảnh để sản xuất được những sản phẩm video; Những kỹ năng trong sản xuất video từ viết các dạng kịch bản đến kỹ năng quay phim, dựng phim... Thông qua những kiến thức lý thuyết để đạt được hiệu quả thực hành: Sản xuất một videoclip theo chủ đề; vận dụng trong tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.                            |
|    | BC03701     | Animation (Hoạt | Học phần trang bị nội dung cơ bản, khái quát về sản phẩm hoạt hình; những kiến thức và kỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT | Mã học phần    | Tên học phần                         | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                | hình)                                | năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm và vận dụng kiến thức về hoạt hình trong quản lý và ứng dụng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|    | <b>BC03703</b> | Video âm nhạc (MV)                   | Học phần trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về video âm nhạc: sáng tạo và tổ chức sản xuất video âm nhạc. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm, video âm nhạc trên các bình diện khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.       |
| 4  | <b>BC02604</b> | Viết cho truyền thông đa phương tiện | Trang bị những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông đa phương tiện; các yêu cầu và nguyên tắc viết cho sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ thực hành viết các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo các nhóm sản phẩm khác nhau. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.                          |
|    | <b>BC03707</b> | Báo chí - truyền thông dữ liệu       | Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề cơ bản của báo chí và truyền thông dữ liệu như khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm, hệ thống các loại hình báo chí – truyền thông dữ liệu mới; ứng dụng báo chí – truyền thông dữ liệu trong sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí – truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là các cơ quan báo chí và các doanh nghiệp truyền thông Việt Nam hiện nay. Sau khi học xong học phần này, sinh viên thành |

| TT             | Mã học phần    | Tên học phần                                    | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------|----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                |                                                 | thao các kĩ năng tìm kiếm và xử lí dữ liệu, phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp báo chí – truyền thông.                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <i>Tự chọn</i> |                |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4              | <b>BC02605</b> | Truyền thông chính sách                         | Học phần bao gồm những nội dung và phương pháp cơ bản, hệ thống và khái quát về truyền thông chính sách, chủ yếu dựa trên thực tiễn Việt Nam. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng nhận diện, phân tích, phản biện chính sách, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông chính sách và phương pháp đánh giá truyền thông chính sách.               |
| 4              | <b>QQ02642</b> | Truyền thông doanh nghiệp                       | Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về truyền thông doanh nghiệp, không chỉ là truyền thông bên trong doanh nghiệp mà còn là giữa doanh nghiệp với các nhân tố bên ngoài và giữa các doanh nghiệp với nhau. Các lý thuyết về truyền thông doanh nghiệp, truyền thông trong khủng hoảng cùng các ví dụ cũng được giới thiệu và phân tích. |
| 4              | <b>BC02607</b> | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ | Những kiến thức cơ bản về truyền thông khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về truyền thông khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm truyền thông về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.                                          |
| 4              | <b>BC02608</b> | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật               | Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.                                                                                                                                         |
|                | <b>BC03706</b> | Phim ngắn                                       | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về thể loại và quy trình sản xuất phim ngắn. Đồng                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT | Mã học phần    | Tên học phần                           | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                |                                        | thời sinh viên hiểu được quy trình sản xuất một tác phẩm phim ngắn và có kỹ năng phân tích phim cũng như hoàn thiện thực tế được một bộ phim với trọn vẹn các giai đoạn. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                       |
|    | <b>PT03928</b> | Chương trình thực tế                   | Học phần nhằm xây dựng cho sinh viên kiến thức và kỹ năng làm chương trình truyền thông thực tế (trong môi trường internet). Sinh viên sẽ nắm bắt được các khái niệm, lịch sử ra đời, đặc điểm, qui trình sản xuất chương trình thực tế. Bên cạnh đó sinh viên được rèn luyện các kỹ năng thông qua thực hành sản xuất chương trình thực tế. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học. |
|    | <b>XB03929</b> | Xuất bản điện tử                       | Học phần nhằm xây dựng cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về xuất bản điện tử trong lĩnh vực xuất bản; các kỹ năng biên tập sách điện tử: lựa chọn đề tài, tổ chức bản thảo, biên tập bản thảo; thực hành tổ chức và sản xuất sách điện tử. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                         |
|    | <b>PT03927</b> | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về trò chơi và trò chơi trực tuyến; yêu cầu và nguyên tắc xây dựng kịch bản và format trò chơi trực tuyến. Sinh viên được thực hành một số kỹ năng thực hiện hay phân biện, phân tích kịch bản và format các chương trình trò chơi trực tuyến mới                                                                                                                                                                                                                                                |

| TT                           | Mã học phần    | Tên học phần                                       | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------|----------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              |                |                                                    | hoặc mua bản quyền format trò chơi trực tuyến để phát triển, ứng dụng trong hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                              | <b>PT03702</b> | Siêu phẩm số (mega-story)                          | Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm và vận dụng kiến thức về mega-story trong quản lý và ứng dụng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                              | <b>BC03918</b> | Báo chí - truyền thông đa nền tảng                 | Học phần trang bị lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và thực hành kỹ năng xây dựng, triển khai và phát triển sản phẩm Báo chí – truyền thông đa nền tảng, ứng dụng lý thuyết báo chí – truyền thông đa nền tảng trong sáng tạo nội dung và phát triển và ứng dụng trong tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí truyền thông, mô hình tổ chức, quản lý tòa soạn hội tụ, các chương trình, dự án báo chí truyền thông trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động phát triển, ứng dụng truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp ngành học. |
| <b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b> |                |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <i>Bắt buộc</i>              |                |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4                            | <b>BC02609</b> | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                              | <b>BC02611</b> | Quản trị - kinh                                    | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các dòng sản phẩm truyền thông số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT             | Mã học phần | Tên học phần                   | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------|-------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |             | doanh sản phẩm truyền thông số | và nghiệp vụ kinh doanh truyền thông số, phương thức kinh doanh sản phẩm truyền thông số, từ đó hướng dẫn ứng dụng và đề xuất ý tưởng, kế hoạch kinh doanh ở các cơ quan báo chí, các doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                                   |
| <i>Tự chọn</i> |             |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 5              | BC03804     | Lao động nhà báo               | Học phần trang bị những nội dung cơ bản, chuyên sâu về phương pháp thu thập thông tin, tác nghiệp trong hoạt động báo chí; Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan công việc truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5              | BC02612     | Tổ chức và an toàn thông tin   | Học phần này giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Quy trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Tổ chức và an toàn thông tin sau khi tốt nghiệp ngành học. |
| 5              | BC02610     | Bản quyền và sở hữu trí tuệ    | Học phần trang bị những nội dung cơ bản, chuyên sâu về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Vận dụng các kiến thức này trong hoạt động báo chí – truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT                                      | Mã học phần | Tên học phần                            | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------|-------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |             |                                         | cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan công việc truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5                                       | BC02614     | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng | Học phần nhằm xây dựng cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, kỹ năng quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, có tâm thế chủ động phòng ngừa khủng hoảng truyền thông và sẵn sàng xử lý khủng hoảng trong trường hợp khẩn cấp theo đúng nguyên tắc của quản trị truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan quản trị truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.                                   |
| <b>B4. Thực tế, thực tập, khóa luận</b> |             |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5                                       | BC02952     | Thực tế chính trị - xã hội              | Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại thực địa.                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                         | BC03643     | Thực tập nghiệp vụ                      | Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đa phương tiện); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những |

| TT                                 | Mã học phần | Tên học phần                             | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    |             |                                          | thu nhận về đợt thực tập;...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5                                  | BC03644     | Thực tập tốt nghiệp                      | Những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp. |
| 5                                  | BC04943     | Sản phẩm tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp | Sinh viên chọn lựa một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khoá luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <i>Học phân thay thế khóa luận</i> |             |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5                                  | BC03704     | Nghiên cứu thị trường truyền thông       | Học phần hệ thống cho sinh viên hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5                                  | BC03705     | Biên tập sản phẩm                        | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT | Mã học<br>phần | Tên học phần           | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                           |
|----|----------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                | phẩm đa phương<br>tiện | phương tiện: đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc biên tập sản phẩm đa phương tiện, sản phẩm truyền<br>thông số. Sinh viên thực hành kỹ năng biên tập sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể. |

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Trần Văn Thư

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Thị Thu Hằng

